

Kinh Tám Điều Giác Ngộ

của Bạc Đại Nhân (*Kinh Bát Đại Nhân Giác*)

Thích Nhất Hạnh

Thích Thanh Tu

1. Giới thiệu: Kinh Bát Đại Nhân Giác do ngài An Thế Cao dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán, vào thời Hậu Hán đời vua Hán Hoàn Đế, niên hiệu Kiến Hòa năm thứ 2 (148 CN). Ngài là Thái tử xứ An Tức (Parthie), nay một phần thuộc Ba Tư (Persia, Iran) một phần thuộc A Phú Hãn (Afghanistan). Lúc bấy giờ Đạo Phật từ Ấn Độ truyền sang rất thịnh hành trong vùng đó. Ngài xuất gia tu học, tinh thông kinh điển. Sau đó, ngài đi Trung Hoa hoằng hóa Phật Pháp và dịch quyển kinh

này sang chữ Hán. Đây là bài kinh số 779 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Hán Tạng).

Dưới đây là bản dịch và chú giải của HT Thích Nhất Hạnh và HT Thích Thanh Từ.

2. Bản dịch và Chú thích của HT.

Thích Nhất Hạnh:

(Trích: "Nghĩ Thức Tụng Niệm", NXB Lá Bối, California, 1989)

Là đệ tử Phật thì nên hết lòng, ngày cũng như đêm, đọc tụng và quán niệm về tám điều mà các bậc đại nhân đã giác ngộ.

Thứ Nhất là giác ngộ rằng cuộc đời là vô thường, chế độ chính trị nào cũng dễ sụp đổ, những cấu tạo của bốn đại [1]

đều trống rỗng và có tác dụng gây đau khổ, con người do tập hợp của năm ấm [2] mà có, lại không có thực ngã, sinh diệt thay đổi không ngừng, hư ngụy và không có thực quyền. Trong khi đó thì tâm ta lại là nguồn suối phát sinh điều ác và thân ta thì là một nơi tích tụ của tội lỗi. Quán chiếu như trên thì dần dần thoát được cõi sinh tử.

Thứ Hai là giác ngộ rằng càng lắm ham muốn thì lại càng nhiều khổ đau, rằng bao nhiêu cực nhọc trong cõi sinh tử đều do ham muốn mà có. Trong khi đó người ít ham muốn thì không bị hoàn cảnh sai sử, lại cảm thấy thân mình và tâm mình được thư thái.

Thứ Ba là giác ngộ rằng vì tâm ta rong ruổi chạy theo danh lợi không bao giờ

biết chán cho nên tội lỗi cũng theo đó mà càng ngày càng lớn. Các bậc Bồ Tát [3] thì khác hẳn: họ luôn luôn nhớ nghĩ đến phép tri túc, an vui sống với đạ**m** bậ**c** đê hành đạo và xem sự nghiệp duy nhất của mình là sự thực hiện trí tuệ giác ngộ.

Thứ Tư là giác ngộ rằng tính lười biếng đưa đến chỗ đọa lạc; vì vậy con người phải chuyên cần hành đạo, phá giặc phiền não, hàng phục bốn loài ma, và ra khỏi ngục tù của năm ấm và ba giới [4].

Thứ Năm là giác ngộ rằng chính vì vô minh nên mới bị giam hãm trong cõi sinh tử. Các vị Bồ Tát thì thường xuyên nhớ rằng phải học rộng, biết nhiều, phát triển trí tuệ, đạt được biện tài để giáo hoá cho mọi người, để cho tất cả đạt tới niềm vui

lớn.

Thứ Sáu là giác ngộ rằng vì nghèo khổ cho nên người ta sinh ra nhiều oán hận và căm thù, và vì thế lại tạo thêm những nhân xấu. Các vị Bồ Tát biết thế cho nên chuyên tu phép bố thí, coi kẻ ghét người thương như nhau, bỏ qua những điều ác mà người khác đã làm đối với mình và không đem tâm ghét bỏ những ai đã làm ác.

Thứ Bảy là giác ngộ rằng năm thứ dục vọng [5] đã gây nên tội lỗi và hoạn nạn. Người xuất gia tuy là người sống trong thế tục nhưng không nhiễm theo cái vui phạm tục, thường quán niệm rằng tài sản của mình chỉ là ba chiếc áo cà sa và một chiếc bình bát, tất cả đều là pháp khí, rằng chí nguyện xuất gia của mình là

sống thanh bạch để hành đạo, giữ phạm hạnh cho thanh cao và đem lòng từ bi để tiếp xử với tất cả mọi người.

Thứ Tám là giác ngộ rằng vì lửa sinh tử cháy bùng cho nên mọi loài đang chịu biết bao niềm thống khổ. Biết vậy cho nên ta phải phát tâm Đại Thừa, nguyện cứu tế cho tất cả mọi người, nguyện thay thế cho mọi người mà chịu khổ đau vô lượng, khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt tới niềm vui cứu cánh.

Tám điều nói trên là những điều giác ngộ của các bậc đại nhân, Phật và Bồ Tát; những vị này đang tinh tiến hành đạo, tu tập từ bi và trí tuệ, đã cưỡi thuyền pháp thân đến được Niết Bàn. Khi trở về lại cõi sinh tử độ thoát cho chúng sinh, họ đều dùng tám điều giác ngộ ấy để khai

mở và chỉ đường cho mọi người, khiến chúng sanh ai cũng giác ngộ được cái khổ của sinh tử, lìa bỏ được ngũ dục và hướng tâm vào con đường thánh .

Nếu đệ tử Phật mà thường đọc tụng tám điều này thì mỗi khi quán niệm diệt được vô lượng tội, tiến tới giác ngộ, mau lên chính giác, vĩnh viễn đoạn tuyệt với sinh tử, thường trú trong sự an lạc.

Chú Thích :

- Bốn Đại là bốn nguyên tố hay là bốn chất cấu thành vũ trụ. Bốn đại gồm có: Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, và Phong đại.
- Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, và thức. Sắc là thân thể có hình có sắc. Thọ là cảm thọ vui buồn. Tưởng là tri giác

bằng hình ảnh tương tượng lại. Hành là dụng tâm làm việc này hay việc khác. Thức là phân biệt, hay biết. Năm âm cũng còn gọi là năm uẩn.

□ Bồ Tát là dịch âm từ chữ Phạn, dịch âm đầy đủ là Bồ đề tát đỏa, có nghĩa là giác hữu tình Bồ Tát là người, sau khi tin Phật, học Phật, phát nguyện tự độ, độ tha, thậm chí hy sinh cả bản thân mình để cứu giúp người. Muốn làm Bồ Tát trước hết phải có tâm nguyện lớn, chủ yếu là bốn lời nguyện: "Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành". Mọi người từ khi phát tâm cho đến khi thành Phật được gọi là Bồ Tát, vì vậy mà có phân ra Bồ Tát phàm phu và Bồ Tát hiền thánh. Các vị Bồ Tát được

nói tới trong các kinh Phật thường là các vị Bồ Tát hiện thánh.

□ Ba giới là dục giới, sắc giới, và vô sắc giới, là ba cõi sống của chúng sinh: Loài người thuộc về dục giới, cõi sống của chúng sinh còn có lòng tham dục. Sắc giới là cõi sống của loài Trời. Ở cõi Trời sắc giới này, chúng sinh đã thoát khỏi mọi lòng dục, nhưng vẫn còn sắc thân. Vô sắc giới là cõi gồm những chúng sinh, không những không còn có lòng dục mà cũng không còn có sắc thân nữa, chỉ còn có tinh thần thuần túy mà thôi.

□ Năm thứ dục vọng là năm thứ ham muốn: sắc, thanh, hương, vị, và xúc.

3. Tóm lược Kinh Bát Đại Nhân Giác - HT. Thích Thanh Từ

(Trích "Kinh Bát Đại Nhân Giác Giảng Giải", Thường Chiếu, 1997)

-oOo-

Đề quý Phật tử dễ nhớ và nhớ kỹ, tu hành khỏi sợ sai lạc. Tôi tóm lược lời giảng như sau:

1.Điều giác ngộ thứ nhất: Thường thấy thân tâm của mình và sự vật bên ngoài là vô thường không bền chắc không có thật ngã. Phải biết tâm là gốc sanh ra tội ác, chớ mê chấp tâm là thật, là ta. Biết vọng tưởng không thật nên không mê chấp chạy theo nó. Lại cũng biết thân này là rùng tội lỗi, nên không chấp thân là thật, là ta. Thường quán xét như thế để xa lìa khổ luân hồi sanh tử.

2.Điều giác ngộ thứ hai: Nên biết tham

cầu nhiều thì khổ đau cũng lắm. Gốc của luân hồi sanh tử là do tham đầùm ngũ dục thế gian. Vì vậy mà phải bớt tham muốn. Khi tâm bớt tham cầu ngũ dục thì sẽ được an ổn vui vẻ.

3.Điều giác ngộ thứ ba: Nên biết người nào dục vọng càng nhiều thì tội ác càng lớn. Do đó mà phải dứt tâm ham muốn, không tham cầu ngũ dục. Lúc nào cũng ít muốn biết đủ, an phận nghèo để gìn giữ đạo đức, phát huy trí tuệ, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, không để tâm đuổi bắt danh lợi thế gian.

4.Điều giác ngộ thứ tư: Người lười biếng giải đãi không đoạn trừ nghiệp ác, tu hạnh lành, thì bị truy lạc trầm luân. Vì vậy mà phải tinh tấn tu hành, để phá trừ vô minh phiền não, hàng phục các thứ

ma chướng, ra khỏi ngục tù ngũ âm và tam giới.

5.Điều giác ngộ thứ năm: Phải biết gốc của luân hồi sanh tử là ngu si. Vì vậy phải học rộng nghe nhiều về Phật pháp, nhờ thế mà trí tuệ tăng trưởng sâu rộng, có đủ khả năng, đủ biện tài để giáo hóa chúng sanh.

6.Điều giác ngộ thứ sáu: Nên biết người nghèo khổ nhiều hay sanh oán hận, thường kết nhiều duyên ác, vì vậy không tránh khỏi quả báo khổ đau. Nên người tu phát tâm thương xót họ, thứ tha cho những lầm lỗi hờn oán không duyên có của họ. Lại còn đem tâm bình đẳng bố thí giúp đỡ họ, không nhớ lỗi lầm ngày trước mà ghét bỏ họ. Biết và làm được như vậy, mới là người thực hành đúng

theo hạnh bồ thí của Phật và Bồ-tát.

7.Điều giác ngộ thứ bảy: Biết rõ ngũ dục là tội lỗi là tai họa. Tuy hiện đời là người thế tục mà biết tránh, không đắm mê theo ngũ dục, luôn nuôi chí nguyện xuất gia, muốn gìn giữ giới hạnh nghiêm minh thanh tịnh, sống đời siêu thoát. Tự làm lợi ích cho mình để rồi khởi lòng từ cứu độ tất cả chúng sanh.

8.Điều giác ngộ thứ tám: Phải biết luân hồi sanh tử liên tục là khổ đau vô cùng vô tận. Nên phát tâm từ bi rộng lớn, nguyện thay chúng sanh chịu khổ và giúp cho tất cả được đến chỗ cứu cánh an lạc là Niết-bàn giải thoát.

Đó là tám điều giác ngộ, mà chư Phật, Bồ-tát đã làm và những người tu Phật

chân chánh đang làm. Ai là người muốn học Phật, tu theo Phật thì phải làm những điều này không thể bỏ qua được. Tại sao? Vì học Phật là học giác ngộ. Phàm nói đến học Phật là nói đến đạo lý giác ngộ của Phật và Bồ-tát đã tu đã giác. Chớ không phải học thuộc lòng kinh nhiều, hay tụng kinh giỏi mà không tu không giác, rồi cho rằng mình học Phật. Nhớ là không phải như vậy! Giác ngộ những gì? Giác ngộ từng phần như trước đã kể. Thấy rõ thân người và cảnh vật là vô thường, thấy rõ tham dục nhiều thì khổ đau nhiều. Thấy rõ như vậy là mình đã có mầm giác ngộ, kế đó nhờ trợ duyên thầy sáng bạn tốt, làm thiện hữu tri thức để tiến đến chỗ giác ngộ viên mãn.

Đến đây tôi xin nói rộng ra để quý vị dễ

hiều dễ nhớ, không lầm. Trong kinh này Phật chỉ nói một chiều, chê thân tâm là vô thường, vô ngã, khổ đau, gốc tội lỗi. Nhưng, ở chỗ khác Phật lại nói có thân này là do tích chứa nhiều phước đức mà được. Thế nên làm người phải luôn tự vấn: "Được thân này, sống để làm gì?". Có người đã tự vấn mình, nhưng không giải đáp được. Lại cũng có người không biết mình có thân này, sống để làm gì? Phật dạy được thân người là khó, thế nên phải biết lợi dụng thân này để tiến tu cho được giác ngộ giải thoát, sau dẫn dắt chúng sanh từ chỗ mê mờ đến chỗ giác ngộ, từ chỗ tội lỗi đến chỗ an vui.

Phật dụ người đi biển bị chìm thuyền, không có phao nổi, sóng dồi gió dập, trôi lên hụp xuống mệt lả, bỗng vớ được

khúc gỗ mục đang nổi trên mặt biển. Khi ôm khúc gỗ mục, người ấy biết nó là gỗ mục đang trôi nổi, rồi sẽ hư hoại không lâu. Song, người ấy biết rằng mình đang cần nương nó, để lộn vào bờ, khỏi bị chết chìm. Khúc gỗ mục ấy, lúc bấy giờ đối với người sắp chết đuối thật là hữu ích, vì nhờ nó mà khỏi chết chìm. Như vậy, mục đích của người dùng khúc gỗ mục không phải để khoe khoang, không phải để tô điểm sơn phết cho đẹp, không phải để quý trọng như một bảo vật, mà khúc gỗ là vật hữu dụng, đang cần để đưa người vào bờ.

Cũng vậy, mọi người cần phải thấy đúng ý nghĩa về thân này. Biết thân này là vô thường tạm bợ không chấp chặt nó, không quý thân này hơn thân khác.

Không vì nó mà tạo nghiệp ác, cũng không vì thấy nó vô thường tạm bợ mà bi quan than thở, ngồi chờ chết. Biết thân này vô thường tạm bợ, phải cấp thiết lợi dụng thân này làm tất cả mọi việc hữu ích. Lo tu hành để mình được giác ngộ giải thoát mọi khổ đau và giúp người cũng được giác ngộ giải thoát khổ đau hoàn toàn.

Người sống được như vậy là người giác ngộ, biết đúng ý nghĩa về thân này và có thái độ sống hợp đạo. Đó là điều căn bản của người tu theo đạo Phật.

HT. Thích Thanh Từ, 1997

Source : **BuddhaSasana**